TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:19/2017/HNGĐ-ST Ngày 07-9-2017 "V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Koan.

2. Ông Huỳnh Hoàng Dũ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Kim Loan, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 30 tháng 8 và ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 73/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số:05/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị C, sinh năm 1984;

- *Bị đơn*: Trần Văn Dũng N, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp

Chị C, anh N vắng mặt tại phiên tòa (Chị C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 10-4-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị C trình bày:

Vào năm 2007 chị Nguyễn Thị C và anh Trần Văn Dũng N có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, vợ chồng có 03 con chung tên là Trần Trường K, sinh ngày 16-8-2005; Trần Thị Trúc G, sinh ngày 24-8-2008 và Trần Thị Hà M, sinh ngày 01-8-2012. Trong thời gian sống chung cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẩn do anh N hay uống rượu thiếu trách nhiệm với gia đình và có những hành động xúc phạm chị C, chị C đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh N vẫn không thay đổi nên từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nức mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, không thể sống chung lâu dài được nữa và vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay. Nay chị C khởi kiện yêu cầu:

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn Dũng N.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Hà M, sinh ngày 01-8-2012 (Hiện nay cháu M đang sống với chị C), còn Trần Trường K, sinh ngày 16-8-2005 và Trần Thị Trúc G, sinh ngày 24-8-2008 chị C thống nhất giao cho anh N nuôi dưỡng vì hiện nay 02 cháu K và G đang sống với anh N và cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu.

+ Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con và chị C cũng Không tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung K và G.

+ Về tài sản chung; Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Trần Văn Dũng N nhưng anh N cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 10- 4- 2017 Chị Nguyễn Thị C yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Dũng N và yêu cầu được nuôi con, nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ theo khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng

dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị C có đơn xin vắng mặt và bị đơn Trần Văn Dũng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh N.

[2]Về nội dung tranh chấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Văn Dũng N có đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 20, quyển số 01/2007 ngày 30-01-2007 nên hôn nhân của chị C và anh N là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*". Chị C cho rằng cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẩn do anh N thường xuyên uống rượu, thiếu trách nhiệm với gia đình và đã có nhiều lần xúc phạm chị C làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nức và không thể chung sống lâu dài được nữa nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 02- 2017 cho tới nay và trong thời gian vợ chồng ly thân giữa chị C và N vẫn không hàn gắn được về tình cảm cũng như trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ tống đạt cho anh N nhưng anh N vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị C. Do đó nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị C và anh N đã mâu thuẩn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C, chị Nguyễn Thị C và anh Trần Văn Dũng N được ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Thị Hà M, sinh ngày 01-8-2012 (Hiện nay cháu M đang sống với chị C), còn Trần Trường K, sinh ngày 16-8-2005 và Trần Thị Trúc G, sinh ngày 24-8-2008 chị C thống nhất giao cho anh N nuôi dưỡng vì hiện nay 02 cháu K và G đang sống với anh N và cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu. Nhưng anh N cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị C về việc nuôi dưỡng con. Xét thấy theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"... 2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Căn cứ điều luật này nên giao con chung Trần Thị Hà M cho chị C

được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; giao 02 con chung Trần Trường K và Trần Thị Trúc G cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì hiện nay 02 cháu K và G đang sống với anh N (cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K và G). Chị C và anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

+ Về cấp dưỡng: Chị C và anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 -12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *" Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Vậy chị Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Trần Văn Dũng N không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 56,81,82,83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Văn Dũng N được ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Trần Thị Hà M, sinh ngày 01-8-2012 cho chị C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Hiện cháu M đang sống với chị C); Giao 02 con chung Trần Trường K, sinh ngày 16-8-2005 và Trần Thị Trúc G, sinh ngày 24-8-2008 cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện

02 cháu Trường K và Trúc G đang sống với anh N) Chị C và anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

+ Về cấp dưỡng: Chị C và anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BN/2013 03602 ngày 17- 4- 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, chị C đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Trần Văn Dũng N không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- CC.THA huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Ngọc Oanh